ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4554/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn của UBND thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3786/STNMT-CCBVMT ngày 20/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1723/UBND ngày 28/12/2022 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1163/TTr-STNMT ngày 29/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Khánh, Nhơn Lộc;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG KẾT NỐI GIAO THÔNG HAI TUYẾN ĐT. 636 VÀ ĐT.638 (XÃ NHƠN KHÁNH VÀ XÃ NHƠN LỘC), THỊ XÃ AN NHƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.

- Địa chỉ liên hệ: 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Đầu tư xây dựng tuyến đường theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, đường cấp III. Tổng chiều dài tuyến đường là 1.975 m:

+ Điểm đầu giao với đường ĐT.636 thuộc xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn;

+ Điểm cuối giao với đường ĐT.638 thuộc xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn.

- Xây dựng 02 cầu, kết cấu BTCT.

- Thoát nước:

+ Cống tròn: Xây dựng mới và nối cống 05 vị trí, sử dụng ống cống bê tông ly tâm lắp ghép.

+ Cầu bản hộp và cống hộp: Xây dựng mới 07 vị trí, kết cấu BTCT đổ tại chỗ và lắp ghép.

+ Cống dọc, hố ga: Bố trí đoạn đi qua khu dân cư (cuối tuyến).

+ Hoàn trả kênh: Hoàn trả kênh bằng bê tông M200.

- Các hạng mục khác: Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, an toàn giao thông trên tuyến, bó vỉa, vỉa hè.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Phần đường: Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường ĐT.636 thuộc xã Nhơn Khánh đến đường ĐT.638 thuộc xã Nhơn Lộc với tổng chiều dài tuyến đường là 1.975 m, bề rộng nền đường là 15m.

- Phần cầu: Xây dựng 02 công trình cầu tại Km0+460 và Km1+083,44.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 01 công trường với diện tích khoảng 100 m^2, bố trí trạm trộn bê tông xi măng công suất 60 m^3/h và 02 nhà vệ sinh di động.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án chiếm dụng vĩnh viễn 1,72 ha đất lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng khoảng 2,188 ha đất (gồm: 0,27 ha đất ở; 1,72 ha đất lúa; 0,198 ha đất trồng cây hàng năm).

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, nguy cơ gây ngập úng.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,08 m^3/ngày., có hàm lượng chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và vi sinh,...

- Nước thải của trạm trộn bê tông phát sinh với lưu lượng khoảng 5 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 24 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Đất bóc hữu cơ phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng phát sinh với khoảng 5.755,2 m^3, betonite phát sinh từ hoạt động thi công cầu phát sinh khoảng 531,288 m^3.

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu trong phạm vi dự án phát sinh với khối lượng khoảng 8.777,17 m^3. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Thực bì do quá trình phát quang phát sinh với khối lượng phát sinh 100 m^3.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin,…) phát sinh với khối lượng khoảng 50 kg suốt thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường.

- Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà 01 vệ sinh di động tại công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bể đầy thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng tại công trường (kết cấu 2 ngăn mỗi ngăn 3 m^3). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng để dập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải thi công.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất. bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành: Thu gom vào hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày, cam kết bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín để tránh rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc

theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành: định kỳ thực hiện vệ sinh tuyến đường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại mỗi công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ: được tận dụng đắp mái taluy trồng cỏ và lấp các hố móng.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải tại mỗi công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 6 m^2 tại 02 công trường theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn chuẩn bị và thi công

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn

vận hành

- Thường xuyên bảo dưỡng, duy tu tuyến đường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa (khoảng 1,72 ha).

- Đối với khu vực chiếm dụng đất lúa tạm thời (khu vực bãi tập kết vật liệu, bãi chứa tạm thời, lán trại và khu vực trạm trộn bê tông): sau khi kết thúc Dự án, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san gạt lớp đất mặt tạo bề mặt bằng phẳng trước khi bàn giao lại cho người dân, địa phương.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường

xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí trong quá trình thi công, xây dựng.

- Vị trí giám sát: 06 vị trí.

+ 02 điểm trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu và đổ thải – đoạn đi qua khu dân cư.

+ 01 điểm tại khu vực bố trí trạm trộn bê tông.

+ 03 điểm tại vị trí đầu, giữa và cuối tuyến đường.

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong giai đoạn thi công.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ Nước mặt tại mương bê tông thuộc thôn Hiếu An, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (toạ độ: 1536880; 585980);

+ Nước mặt tại mương bê tông thuộc thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (toạ độ 1535497; 585722).

- Thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong giai đoạn thi công.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1).

5.3. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: Tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý.